| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN N**<br>**TỈNH NAM ĐỊNH** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 07/2018/QĐST - HNGĐ | *N, ngày 15 tháng 01 năm 2018.* |

# QUYẾT ĐỊNH
## CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 174/2017/TLST/HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2017, giữa:

* Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T – Sinh năm: 1994;

Địa chỉ: Khu 9, thị trấn R, huyện N, tỉnh Nam Định.

* Bị đơn: Anh Lê Văn T – Sinh năm: 1991;

Địa chỉ: Khu 9, thị trấn R, huyện N, tỉnh Nam Định.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81; 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản nghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 01 năm 2018.

## XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 01năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị T - Sinh năm 1994; địa chỉ: Khu 9, thị trấn R, huyện N, tỉnh Nam Định và anh Lê Văn T - Sinh năm 1991; địa chỉ: Khu 9, thị trấn R, huyện N, tỉnh Nam Định.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Lê Văn T đều tự nguyện thỏa thuận xin được thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Lê Văn T đều thống nhất vợ chồng có một con chung là cháu Lê Thị Thùy D, sinh ngày 16/9/2014 hiện chị T đang trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu D. Vợ chồng ly hôn chị T anh T thống nhất thỏa thuận giải quyết con chung cụ thể như sau: Chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi cháu Lê Thị Thùy D, anh T không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T. Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung.

- Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Lê Văn T đều thống nhất thỏa thuận vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T và anh Lê Văn T đều thống nhất thỏa thuận chị T nộp toàn bộ. Chị Nguyễn Thị T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 150.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị T đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số: BB/2012/06175 ngày 11/12/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N (chị Nguyễn Thị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm); Hoàn trả chị T số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp 150.000đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án và người được thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**THẨM PHÁN**

***Nơi nhận:***
- Toà án nhân dân tỉnh;
- VKSND huyện N;
- UBND thị trấn R;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

(Đã ký)

**Phạm Hùng Phương**